TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03-08-2026
V/v "Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con khi hủy kết hôn trái pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Minh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hoan
2. Ông Vũ Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Việt Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vượ 2 - Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Tuyết – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp "Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con khi hủy kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXXST–HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998; địa chỉ: tổ dân phố D T (nay là tổ dân phố T), phường Y, tỉnh Ninh Bình; số Căn cước: 037198005241, cấp ngày: 19/02/2025, nơi cấp: Bộ C. (có mặt)

2. Bị đơn: anh Vũ Văn L, sinh năm 1994; địa chỉ: tổ dân phố D T (nay là tổ dân phố T), phường Y, tỉnh Ninh Bình; số Căn cước: 037083002669, cấp ngày: 14/7/2024, nơi cấp: Bộ C. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

- Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: chị H và anh Vũ Văn L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND phường Y, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 05/9/2014. Chị H sinh ngày 22/11/1998 nên khi chị H đến UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình làm thủ tục đăng ký kết hôn chị H chưa đủ tuổi để kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, chị H đã khai ngày sinh của chị H là ngày "22/01/1997" để đủ tuổi đăng ký kết hôn. UBND xã K cũng không yêu cầu chị H xuất trình giấy tờ để chứng minh độ tuổi, cán bộ tư pháp đã căn cứ vào tờ khai đăng ký kết hôn của chị

H và tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị H và anh Vũ Văn L. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quá trình chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng với nhau về quan điểm sống, vợ chồng sống không hoà hợp nên dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn, hai bên gia đình cũng đã hoà giải, khuyên bảo nhưng mâu thuẫn không được khắc phục. Từ tháng 02 năm 2021 cho đến nay, anh chị sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và việc đăng ký kết hôn của anh chị là không đúng quy định của pháp luật chị H đề nghị Tòa án huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Vũ Văn L.

- Về con chung: chị H và anh Vũ Văn L có 02 con chung là cháu Vũ Hải D, sinh ngày 20/7/2015 và cháu Vũ Hải P, sinh ngày 24/10/2017.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, chị H và anh L đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh chị như sau:

Về nuôi con: Chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Vũ Hải D và cháu Vũ Hải P sau khi hủy kết hôn trái pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Vũ Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng/cháu (hai triệu đồng/cháu), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi cháu Vũ Hải D và cháu Vũ Hải P đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung, nợ chung*:* chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị H đã được nghe Tòa án giải thích về nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm, chị H xin chịu trách nhiệm nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Vũ Văn L là bị đơn trình bày:

- Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Anh L1 nhất trí như lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thu H về thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn của anh chị. Khi anh và chị H đến UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình làm thủ tục đăng ký kết hôn, UBND xã K không yêu cầu anh và chị H xuất trình giấy tờ để chứng minh độ tuổi, vì vậy cán bộ tư pháp đã căn cứ vào tờ khai đăng ký kết hôn của anh và chị H tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh và chị Nguyễn Thị Thu H. Thời điểm đó chị H chưa đủ tuổi để kết hôn nên đã khai tăng tuổi lên để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quá trình chung sống anh chị có nhiều bất đồng với nhau về quan điểm sống, vợ chồng sống không hoà hợp nên dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mặc dù anh chị đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn, hai bên gia đình cũng đã hoà giải, khuyên bảo nhưng tình hình vợ chồng vẫn không được cải thiện. Từ tháng 02 năm 2021 cho đến nay, anh chị sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay, chị Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu Tòa án huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị H, anh nhận thấy anh chị không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, việc đăng ký kết hôn của anh và chị H không đúng quy định của

pháp luật nên anh đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về nuôi con: anh L1 nhất trí với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thu H, anh và chị Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung là cháu Vũ Hải D, sinh ngày 20/7/2015, cháu Vũ Hải P, sinh ngày 24/10/2017.

Chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Vũ Hải D và cháu Vũ Hải P sau khi hủy kết hôn trái pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh L1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng/cháu (hai triệu đồng/cháu), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi cháu Vũ Hải D và cháu Vũ Hải P đủ 18 tuổi.

Anh và chị Nguyễn Thị Thu H đã thống nhất được với nhau về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: anh L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: anh L1 nhất trí để chị Nguyễn Thị Thu H nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 11/6/2026, Công an phường Y, tỉnh Ninh Bình cung cấp: chị Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 22/11/1998, hiện đang có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố D T, phường Y, tỉnh Ninh Bình. Trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không có thông tin về công dân Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 22/01/1997.

Tại Biên bản xác minh ngày 30/6/2026, UBND phường Y, tỉnh Ninh Bình cung cấp: tại trang sổ kết hôn số 48/2014 thể hiện chị Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 22/01/1997 và anh Vũ Văn L, sinh ngày 19/9/1994 đã được đăng ký kết hôn ngày 05/9/2014. Trên trang sổ kết hôn chỉ ghi số chứng minh nhân dân của anh Vũ Văn L, bỏ trống phần " Số Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế" của chị Nguyễn Thị Thu H. Hiện nay, UBND phường Y cũng không lưu giữ hồ sơ cá nhân của chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Văn L khi đến làm thủ tục đăng ký kết hôn nên cũng không xác định được lý do tại sao lại ghi chị Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 22/01/1997 trong trang sổ đăng ký kết hôn và trong Giấy chứng nhận kết hôn của chị H, anh L.

Tại Đơn đề nghị ngày 28/4/2026, cháu Vũ Hải D và cháu Vũ Hải P đều trình bày: nguyện vọng của các cháu là muốn ở với chị H vì chị H có thời gian chăm sóc các cháu và nhà chị H gần trường nên thuận lợi cho việc học tập của các cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự.

Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: áp dụng khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP.

- Tuyên bố Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Văn L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 09 năm 2014 của UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND phường Y, tỉnh Ninh Bình).

- Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Văn L về nuôi con:

Sau khi hủy kết hôn trái pháp luật, chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Hải D và cháu Vũ Hải P.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Vũ Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng/cháu (hai triệu đồng/cháu), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi cháu Vũ Hải D và cháu Vũ Hải P đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 3087 ngày 17/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Nguyễn Thị Thu H còn phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con khi hủy kết hôn trái pháp luật với anh Vũ Văn L, anh Vũ Văn L có nơi cư trú tại phường Y, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật:

Các đương sự đều thống nhất xác định, chị Nguyễn Thị Thu H sinh ngày "22/11/1998". Ngày 05/9/2014 khi anh chị đi đăng ký kết hôn, chị H chưa đủ tuổi nên đã khai ngày tháng năm sinh là ngày "22/01/1997" để đủ điều kiện đăng ký kết hôn. UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND phường Y, tỉnh Ninh Bình) không yêu cầu anh chị phải nộp hồ sơ cá nhân mà chỉ căn cứ vào lời trình bày của anh chị để tiến hành đăng ký kết hôn nên đã ghi trong giấy đăng ký kết hôn ngày, tháng, năm sinh của chị H là "22/01/1997".

Theo giấy khai sinh, bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, giấy chứng nhận học nghề phổ thông, căn cước, xác minh tại Công an phường Y, tỉnh Ninh Bình đều thể hiện chị

Nguyễn Thị Thu H sinh ngày "22/11/1998". Như vậy, vào thời điểm đăng ký kết hôn chị Nguyễn Thị Thu H mới 15 tuổi 09 tháng 14 ngày.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đã quy định về điều kiện kết hôn "Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên". Chị H đã vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên việc kết hôn giữa chị H và anh L là kết hôn trái pháp luật. Hiện tại, cả chị H và anh L đều không có nguyện vọng tiếp tục chung sống với nhau và đều yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật nên căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 4 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Văn L.

[2.2] Về nuôi con:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Văn L có 02 con chung là cháu Vũ Hải D, sinh ngày 20/7/2015, cháu Vũ Hải P, sinh ngày 24/10/2017.

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Văn L thống nhất: Sau khi hủy kết hôn trái pháp luật, chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Hải D và cháu Vũ Hải P.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Vũ Văn L và chị Nguyễn Thị Thu H thống nhất, anh Vũ Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng/cháu (hai triệu đồng/cháu), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi cháu Vũ Hải D và cháu Vũ Hải P đủ 18 tuổi.

Xét thấy, chị H, anh L đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con; sự thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con của chị H, anh L.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ án phí của vụ án theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ vào Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H về hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con khi hủy kết hôn trái pháp luật với anh Vũ Văn L.

1. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Văn L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48.2014, quyển số 09 ngày 05/9/2014 của UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND phường Y, tỉnh Ninh Bình).

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Văn L phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Văn L về việc nuôi con:

Sau khi hủy kết hôn trái pháp luật, chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Hải D và cháu Vũ Hải P.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Vũ Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng/cháu (hai triệu đồng/cháu), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi cháu Vũ Hải D và cháu Vũ Hải P đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 3087 ngày 17/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Chị Nguyễn Thị Thu H còn phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 2;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Yên Thắng, Ninh Bình;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Minh